

BẢNG ĐIỂM

Kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu ngành Giáo dục mầm non

Trình độ Cao đẳng - Hình thức đào tạo Vừa làm vừa học - Khóa thi ngày 24/10/2025

Số TT	SBD	Họ tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm thi			
						Đọc diễn cảm	Kể chuyện	Hát	Điểm TBC
1	20001	Lượng Thị Châu	Âu	Nữ	23/02/2007	7,0	7,5	7,0	7,2
2	20002	Đỗ Nguyễn Hoàng	Dung	Nữ	19/08/2006	/	/	/	/
3	20003	Hồ Thị Thanh	Hà	Nữ	01/07/2006	6,5	7,0	8,0	7,2
4	20004	Nguyễn Thị Hương	Hà	Nữ	11/12/2007	7,0	7,3	7,5	7,3
5	20005	Đỗ Thị Thanh	Hiền	Nữ	06/01/2006	7,5	9,0	9,0	8,5
6	20006	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	30/09/1995	8,0	8,5	7,0	7,8
7	20007	Huỳnh Thị Cẩm	Liên	Nữ	05/03/2005	7,0	7,5	6,5	7,0
8	20008	Nguyễn Hải	Linh	Nữ	07/08/2005	8,0	7,0	7,5	7,5
9	20009	Phạm Quế	Minh	Nữ	13/11/2003	7,5	8,0	7,8	7,8
10	20010	Lương Thị Trà	My	Nữ	20/08/2004	8,0	9,0	9,5	8,8
11	20011	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	Nữ	10/10/1996	8,0	7,3	7,8	7,7
12	20012	Phan Hồng Uyên	Phương	Nữ	29/11/1995	8,0	8,0	8,0	8,0
13	20013	Cao Thị Bích	Phượng	Nữ	28/09/2003	7,5	8,0	8,5	8,0
14	20014	Nguyễn Hà Như	Quỳnh	Nữ	26/03/2001	8,5	7,8	8,0	8,1
15	20015	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	25/03/1999	/	/	/	/
16	20016	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Nữ	22/10/2003	8,0	8,5	8,0	8,2
17	20017	Huỳnh Thị Phương	Thảo	Nữ	19/12/1999	7,0	8,0	6,5	7,2
18	20018	Nguyễn Thị Minh	Thời	Nữ	09/10/1998	8,5	8,5	7,5	8,2
19	20019	Trần Thị	Thường	Nữ	10/09/1991	7,0	7,5	7,0	7,2
20	20020	Nguyễn Quỳnh Đoan	Trang	Nữ	06/01/2007	6,5	7,5	7,5	7,2
21	20021	Huỳnh Thị Thu	Trang	Nữ	28/08/1996	/	/	/	/
22	20022	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	11/11/2003	6,5	8,8	8,0	7,8
23	20023	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	03/11/2007	7,5	8,5	8,0	8,0
24	20024	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trâm	Nữ	15/01/2007	8,0	8,3	7,5	7,9
25	20025	Dụng Nữ Kiều	Trình	Nữ	12/09/2007	6,5	7,0	7,0	6,8
26	20026	Nguyễn Thị	Trúc	Nữ	18/02/1996	8,5	8,5	7,0	8,0

Số lượng thí sinh dự thi: 23

Số lượng thí sinh vắng thi: 03

Số báo danh vắng thi: 20002; 20015; 20021



TRƯỜNG BAN
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
BÌNH THUẬN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Kim Chung